

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1987 (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa, anh Lưu Văn T trình bày: Anh và chị Đoàn Thị M kết hôn vào năm 2012 và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07 tháng 11 năm 2012. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp trong lối sống nên thường xảy ra tranh cãi. Anh và chị Đoàn Thị M đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đoàn Thị M. Về con chung, có một người tên là Lưu Kiều M (giới tính nữ), sinh ngày 02 tháng 12 năm 2012, hiện anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Đoàn Thị M cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 9 năm 2018, bị đơn chị Đoàn Thị M cho rằng: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn sống chung đúng như anh Lưu Văn T đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh Lưu Văn T. Con chung, đúng như anh Lưu Văn T đã trình bày, chị chấp nhận giao Lưu Kiều M cho anh Lưu Văn T tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M. Sự thỏa thuận về con chung, giao một người con chung cho anh Lưu Văn T nuôi dưỡng, chị Đoàn Thị M không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, buộc anh Lưu Văn T phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Lưu Văn T xin ly hôn chị Đoàn Thị M là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị Đoàn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị M là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 07 tháng 11 năm 2012, nên hôn nhân giữa anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M đều thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp nên thường xảy ra tranh cãi và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Chính vì hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ để xây dựng gia đình nên anh Lưu Văn T yêu cầu ly hôn và được chị Đoàn Thị M đồng ý. Xét thấy, hôn nhân của anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M đã thật sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng con chung. Từ đó, công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên là Lưu Kiều M (giới tính nữ), sinh ngày 02 tháng 12 năm 2012. Anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M thống nhất thỏa thuận giao cho anh Lưu Văn T tiếp tục nuôi và chị Đoàn Thị M không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về

người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M là có căn cứ.

[4] Anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M xác định là tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Lưu Văn T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Văn T và chị Đoàn Thị M.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh Lưu Văn T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Lưu Kiều M (giới tính nữ), sinh ngày 02 tháng 12 năm 2012. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lưu Văn T không yêu cầu chị Đoàn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lưu Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007300, ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Lưu Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đoàn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương